

# CHƯƠNG 3

# TRỌNG TÀI

## 1. Điều khoản và Thỏa thuận trọng tài

Theo Luật Trọng tài thương mại, điều kiện để tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài là giữa các bên trong tranh chấp phải tồn tại thỏa thuận trọng tài. Nói cách khác, thỏa thuận trọng tài là nền tảng cơ sở phát sinh giải quyết tranh chấp tại trọng tài.

### 1.1. Xác định sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài

Quy định pháp luật không ràng buộc về thời gian lập thỏa thuận trọng tài, các bên có thể thỏa thuận trước khi có tranh chấp xảy ra, nghĩa là vào thời điểm giao kết hợp đồng ban đầu, hoặc sau khi tranh chấp phát sinh. Trường hợp có sự chuyển giao liên quan đến hợp đồng giao dịch mà thỏa thuận trọng tài là hợp pháp thì thỏa thuận trọng tài cũng được chuyển giao cho người nhận chuyển giao nếu các bên không có thỏa thuận khác.

### 1.2. Tính độc lập của thỏa thuận trọng tài (*Principle of separability*)

Bên phải thi hành phán quyết trọng tài thường viện dẫn trước Tòa án rằng vì hợp đồng chính hay hợp đồng có bao gồm thỏa thuận trọng tài vô hiệu dẫn đến thỏa thuận trọng tài cũng không còn hiệu lực. Tuy nhiên cần lưu ý nguyên tắc về tính độc lập của thỏa thuận trọng tài đối với hợp đồng giao dịch. Cụ thể, nội dung thỏa thuận giao dịch và hiệu lực của hợp đồng chính bị thay đổi hoặc vô hiệu thì thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực, kể cả trường hợp điều khoản về trọng tài được xác lập trong hợp đồng giao dịch.

### 1.3. Hình thức thỏa thuận

Thỏa thuận trọng tài phải được xác lập dưới dạng văn bản và có thể được lập thành điều khoản trong hợp đồng giao dịch ban đầu giữa các bên hoặc lập thành một thỏa thuận riêng biệt. Khi các bên có nhiều thỏa thuận trọng tài đối với một nội dung tranh chấp thì thỏa thuận được xác lập cuối cùng sẽ có giá trị hiệu lực.

Riêng đối với lĩnh vực đầu tư, sự đồng ý thỏa thuận trọng tài còn được ghi nhận trong điều ước về đầu tư và pháp luật về đầu tư nước ngoài. Qua đó nhà đầu tư nước ngoài có quyền yêu cầu trọng tài quốc tế giải quyết tranh chấp ngay cả khi giữa nhà đầu tư và Chính phủ không có thỏa thuận về trọng tài cũng như điều khoản giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong hợp đồng đã ký kết. Trường hợp được gọi là “thỏa thuận không cần sự đồng thuận” (“Arbitration agreements without privity”).

Thực tiễn thực hành tố tụng trọng tài ở một số quốc gia khác, trường hợp ngay cả khi các bên chưa ký kết thỏa thuận trọng tài trước khi tiến hành trọng tài, thủ tục vẫn được chấp nhận nếu sự tồn tại của thỏa thuận trọng tài được một bên cáo buộc và không bị bên kia phủ nhận. Trong trường hợp này, các bên được coi là đã mặc nhiên đồng ý giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Chính vì lý do này mà bất kỳ phản đối nào về thẩm quyền của hội đồng trọng tài phải được đưa ra bởi bị đơn trước khi lập luận về nội dung của vụ việc tranh chấp. Trường hợp

này được xem là một bên mất quyền phản đối (được trình bày cụ thể trong phần 3.6), thêm nữa tuy Việt Nam vẫn theo tinh thần chấp nhận thỏa thuận trọng tài không có từ trước và trong đó có một bên không phủ nhận việc yêu cầu giải quyết trọng tài của bên còn lại nhưng vẫn kèm theo điều kiện bắt buộc về hình thức của thỏa thuận phải được thể hiện bằng văn bản.

#### ***1.4. Thỏa thuận trọng tài vô hiệu, không thực hiện được***

Các bên khi xác lập thỏa thuận cần lưu ý các trường hợp dẫn đến thỏa thuận bị vô hiệu hoặc không thể thực hiện được để tránh các tranh chấp phát sinh trong quá trình tố tụng.

##### *Thỏa thuận trọng tài vô hiệu*

Những trường hợp cụ thể sau dẫn đến thỏa thuận trọng tài giữa các bên bị xem là vô hiệu:

- (i) tranh chấp phát sinh nằm ngoài phạm vi lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Trọng tài;
- (ii) người ký thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền ký kết, như không phải là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền hợp pháp, hoặc tuy có quyền ký kết nhưng ký kết vượt quá thẩm quyền. Tuy nhiên, áp dụng tinh thần của pháp luật dân sự, trong trường hợp người có thẩm quyền ký kết biết đến việc ký kết không đúng hay vượt quá thẩm quyền mà không phản đối thì xem như thỏa thuận trọng tài vẫn có giá trị hiệu lực;
- (iii) người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự, như người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Điểm lưu ý đối với tranh chấp mà một bên có yếu tố nước ngoài thì năng lực ký kết tuân theo pháp luật áp dụng cho mỗi bên, không đương nhiên là luật Việt Nam;
- (iv) hình thức của trọng tài không phù hợp những quy định như đã đề cập. Trường hợp thỏa thuận trọng tài ban đầu bằng lời nói hay bằng hình thức khác nhưng các bên có sự sửa đổi và thay đổi bằng hình thức văn bản đúng với quy định pháp luật thì vẫn được chấp nhận;
- (v) việc xác lập thỏa thuận trọng tài diễn ra khi một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng chế hoặc có tuyên bố thỏa thuận trọng tài là vô hiệu; và
- (vi) thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật.

##### *Thỏa thuận trọng tài không thực hiện được*

Khi thỏa thuận trọng tài rơi vào một trong các trường hợp sau thì thỏa thuận đó sẽ không thể thực hiện được:

- (i) khi các bên đã có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Trung tâm trọng tài nhưng Trung tâm trọng tài bị chấm dứt hoạt động mà không có tổ chức khác thừa kế và sau đó không xác lập thỏa thuận khác;
- (ii) các bên đã lựa chọn Trọng tài viên trọng tài vụ việc, nhưng tại thời điểm tranh chấp xảy ra, trọng tài viên từ chối hoặc không thể tham gia giải quyết tranh chấp và các bên không có thỏa thuận thay thế; hoặc
- (iii) các bên thỏa thuận sử dụng Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm trọng tài khác với Trung tâm trọng tài đã lựa chọn để giải quyết tranh chấp, tuy nhiên Trung tâm trọng tài này không cho phép sử dụng Quy tắc tố tụng trọng tài khác. Các bên cũng không có thỏa thuận khác để thay thế.

### **1.5. Tính ràng buộc và không ràng buộc**

Tính chất ràng buộc của thỏa thuận trọng tài giữa các bên ký kết cũng giống như những thỏa thuận dân sự khác. Tuy nhiên, đối với trường hợp nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ đính kèm sẵn điều khoản về giải quyết tranh chấp tại trọng tài thì người tiêu dùng vẫn có quyền được tự do lựa chọn khởi kiện tại Trung tâm trọng tài hay Tòa án. Nói cách khác, nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chỉ có thể khởi kiện tại trọng tài khi người tiêu dùng chấp thuận.

## **2. Tố tụng trọng tài**

### **2.1. Khởi kiện**

#### *Đơn khởi kiện và hồ sơ liên quan*

Bên yêu cầu (nguyên đơn) phải gửi đơn khởi kiện đến Trung tâm trọng tài. Riêng đối với tranh chấp giải quyết bằng Trọng tài vụ việc thì nguyên đơn gửi đơn khởi kiện cho bị đơn. Đơn khởi kiện phải đảm bảo bao gồm các nội dung sau:

- (i) thông tin địa điểm, thời gian xác lập đơn khởi kiện;
- (ii) thông tin của các bên và người làm chứng;
- (iii) tóm tắt nội dung tranh chấp;
- (iv) nêu cơ sở và chứng cứ khởi kiện;
- (v) nêu yêu cầu của nguyên đơn đối với tranh chấp và giá trị vụ tranh chấp; và
- (vi) thông tin Trọng tài viên do nguyên đơn lựa chọn hoặc đề nghị chỉ định.

Thỏa thuận trọng tài và các tài liệu có liên quan cần được nộp kèm cùng đơn khởi kiện. Thêm nữa, trong trường hợp đơn khởi kiện lại của bị đơn vượt quá phạm vi các bên thỏa thuận trọng tài thì nguyên đơn có quyền phản đối và trình bày rõ trong bản tự bảo vệ của mình.

Đối với bên được yêu cầu, sau khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo từ Trung tâm trọng tài hoặc nguyên đơn, trong thời hạn 30 ngày nếu các bên không có thỏa thuận khác về thời hạn gửi bản tự bảo vệ và Trung tâm trọng tài không có quy tắc khác, thì bị đơn phải gửi bản tự bảo vệ gồm các nội dung sau:

- (i) thông tin địa điểm, thời gian soạn bản tự bảo vệ;
- (ii) thông tin của bị đơn;
- (iii) nêu cơ sở và chứng cứ tự bảo vệ; và
- (iv) thông tin Trọng tài viên do bị đơn lựa chọn hoặc đề nghị chỉ định.

Bên được yêu cầu cũng cần lưu ý rằng nếu cho rằng tranh chấp phát sinh là không thuộc phạm vi giải quyết của trọng tài hay thỏa thuận trọng tài vô hiệu hay không thể thực hiện được thì bắt buộc ghi rõ trong bản tự bảo vệ. Trường hợp bị đơn không tiến hành nộp bản tự bảo vệ thì thủ tục tố tụng trọng tài không bị gián đoạn mà vẫn tiếp tục được tiến hành.

#### *Thời hạn tố tụng trọng tài và thời hiệu khởi kiện*

Pháp luật Việt Nam không quy định thời hạn tố tụng trọng tài mà chỉ quy định về thời điểm bắt đầu và thời điểm chấm dứt hoạt động trọng tài. Thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài tính từ thời điểm Trung tâm trọng tài hay bị đơn nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn. Các bên được phép thỏa thuận khác về thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài hoặc chấp nhận quy tắc của Trung tâm trọng tài nếu quy định liên quan. Thời điểm chấm dứt là khi có phán quyết trọng tài quyết định giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp.

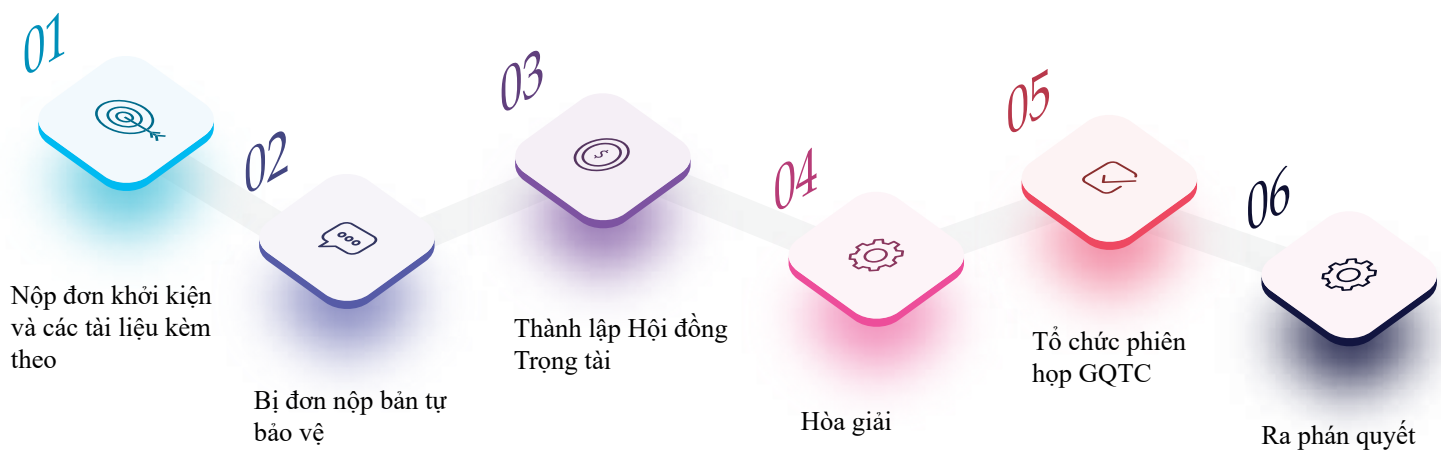
Còn đối với thời hiệu khởi kiện, theo nguyên tắc chung của Luật Trọng tài thương mại là 02 năm kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên bị xâm phạm, thời hiệu khởi kiện có thể quy định khác trong các luật chuyên ngành. Các bên cần lưu ý về thời điểm mà mình biết hoặc buộc phải biết rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm để tiến hành thủ tục tố tụng.

## **2.2. Thẩm quyền**

### *Phạm vi*

Các tranh chấp thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của trọng tài được ghi nhận trong quy định pháp luật, cụ thể:

- (i) tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại;
  - (ii) tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; và
  - (iii) theo quy định pháp luật khác có quy định giải quyết tranh chấp tại trọng tài, ví dụ như Luật Đầu tư, Bộ luật Hàng hải; v.v..
-



### *Phân định thẩm quyền với Tòa án*

Các bên cần hiểu rõ việc phân định thẩm quyền giữa Tòa án và trọng tài để bắt đầu thủ tục tố tụng phù hợp và tránh mất thời gian, chi phí không cần thiết. Theo Công ước New York và pháp luật Trọng tài Việt Nam, Tòa án sẽ trả lại đơn kiện và tài liệu căn cứ nếu:

- (i) giữa các bên có tồn tại thỏa thuận trọng tài có hiệu lực;
- (ii) một trong các bên đã yêu cầu giải quyết tranh chấp tại trọng tài và Hội đồng trọng tài đang tiến hành xử lý; hoặc
- (iii) các bên có thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại Tòa án và trọng tài mà một bên đã khởi kiện tại trọng tài.

Đối với các trường hợp Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện: trường hợp nếu Tòa án đã thụ lý tranh chấp nhưng rơi vào các trường hợp phải ưu tiên giải quyết tại trọng tài thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cùng tài liệu liên quan theo điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Còn trường hợp Tòa án đã giải quyết xong cấp sơ thẩm nhưng đến cấp phúc thẩm mới phát hiện tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Tòa án thì Tòa án phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và ra quyết định đình chỉ vụ án, trả đơn khởi kiện kèm tài liệu liên quan.

Cần lưu ý trường hợp nếu thỏa thuận trọng tài ban đầu không rõ ràng về hình thức trọng tài và tổ chức trọng tài cụ thể thì vụ việc vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài nếu các bên có sự thỏa thuận lại về các vấn đề này. Trường hợp các bên không thể thỏa thuận lại thì giải quyết tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về Tòa án đối với các hoạt động trọng tài như Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, triệu tập người làm chứng, thu thập chứng cứ, thay đổi trọng tài viên, v.v... thì cần ghi rõ tên của Tòa án và thỏa điều kiện thẩm quyền là Tòa án nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

### **2.3. Biện pháp khẩn cấp tạm thời**

Khác với Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003 trước đây, hiện nay pháp luật đã ghi nhận thẩm quyền của trọng tài trong việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Theo đó, một trong các bên của tranh chấp có thể yêu cầu Tòa án hay trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, việc yêu cầu Tòa án áp dụng như vậy không đồng nghĩa việc bác bỏ thỏa thuận giải quyết tranh chấp tại trọng tài.

Phạm vi áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của trọng tài giới hạn trong phạm vi yêu cầu của các bên trong tranh chấp. Các bên không thể yêu cầu trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời với bên thứ ba không trong quan hệ tranh chấp và bên thứ ba cũng không có quyền yêu cầu áp dụng với các bên trong tranh chấp. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài theo khoản 2 Điều 49 Luật Trọng tài thương mại 2010 là:

*“a) Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp;*

*b) Cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài;*

*c) Kê biên tài sản đang tranh chấp;*

*d) Yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp;*

*đ) Yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên;*

*e) Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.”*

Các bên khi có mong muốn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cần phải làm đơn gửi đến Hội đồng trọng tài và thực hiện nghĩa vụ bảo đảm tài chính thông qua việc gửi một khoản tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá với giá trị ấn định tương đương với giá trị thiệt hại có thể phát sinh từ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời do Hội đồng trọng tài ấn định.

### **2.4. Trọng tài viên**

Đối với thỏa thuận về thành phần trọng tài, pháp luật Việt Nam tiếp thu từ Luật Trọng tài mẫu UNCITRAL cũng như quy tắc của các Hiệp hội trọng tài thương mại các quốc gia khác. Cụ thể, cho phép các bên được quyền thỏa thuận Hội đồng trọng tài gồm một hoặc nhiều trọng tài viên. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì số lượng trọng tài viên trong một Hội đồng trọng tài ba (03) người theo Luật Trọng tài thương mại.

Pháp luật Việt Nam tôn trọng sự tự do thỏa thuận giữa các bên về việc thành lập Hội đồng trọng tài. Tùy thuộc vào thỏa thuận hay quy tắc của Trung tâm trọng tài mà các bên đã lựa chọn thì quy trình và thời hạn lựa chọn

trọng tài viên sẽ có sự linh hoạt khác nhau. Luật Trọng tài thương mại cũng đưa ra nguyên tắc chung đối với trường hợp các bên không có thỏa thuận khác hay quy tắc của Trung tâm trọng tài không có quy định khác. Cụ thể:

Trường hợp thành lập Hội đồng trọng tài tại Trung tâm trọng tài: trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm bị đơn nhận được đơn khởi kiện thì bị đơn phải thông báo cho nguyên đơn thông tin của trọng tài viên mà mình lựa chọn hoặc có thể đề nghị Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định trọng tài viên cho mình. Trường hợp quá thời hạn trên mà bị đơn chưa chọn được trọng tài viên cũng như không đề nghị chỉ định trọng tài viên thì Chủ tịch Trung tâm trọng tài sẽ chỉ định trọng tài viên cho bị đơn trong thời hạn 07 ngày, kể từ khi hết hạn quy định chọn trọng tài viên của bị đơn.

Còn đối với thỏa thuận trọng tài lựa chọn một trọng tài viên duy nhất giải quyết nhưng các bên không thống nhất chọn trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm bị đơn nhận đơn khởi kiện thì một bên hoặc các bên có thể yêu cầu Chủ tịch Trung tâm trọng tài chỉ định trọng tài viên duy nhất.

Trường hợp thành lập Hội đồng trọng tài vụ việc, tương tự như trường hợp (a) thì sau 30 ngày nếu bị đơn không thông báo cho nguyên đơn về lựa chọn trọng tài viên của mình thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên cho bị đơn.

Còn đối với thỏa thuận trọng tài lựa chọn một trọng tài viên duy nhất giải quyết nhưng các bên không thống nhất chọn trọng tài viên trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm bị đơn nhận đơn khởi kiện thì một bên hoặc các bên có thể yêu cầu Chủ tịch Trung tâm trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền chỉ định trọng tài viên duy nhất.

## ***2.5. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp***

Nguyên tắc tự chủ của các bên (principle of party autonomy) là đặc trưng của quy trình giải quyết tranh chấp trọng tài, luôn được xem trọng hơn cả và được đón nhận ở hầu hết các quốc gia trên thế giới kể cả Việt Nam. Đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, lựa chọn luật áp dụng không bắt buộc phải có trước khi xảy ra tranh chấp, miễn là các bên đạt được thỏa thuận chung về pháp luật áp dụng giải quyết tranh chấp. Ngược lại nếu các bên không có thỏa thuận liên quan thì Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật mà Hội đồng cho là phù hợp nhất với tranh chấp và không có quy định ràng buộc Hội đồng trọng tài sẽ chọn hệ thống pháp luật của một trong hai bên tranh chấp.

Trong trường hợp pháp luật áp dụng là pháp luật Việt Nam nhưng không có quy định liên quan đến nội dung tranh chấp thì Hội đồng trọng tài được quyền áp dụng tập quán quốc tế để giải quyết tranh chấp nếu việc áp dụng không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, ví dụ như Incoterm.



## **2.6. Quyền phản đối**

Tiếp thu từ Luật Trọng tài mẫu UNCITRAL, Luật Trọng tài thương mại quy định về mất quyền phản đối nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong tổ tụng trọng tài. Ngoài ra, mục đích khác của quy định mất quyền phản đối nhằm nhắc nhở các bên chủ động phát hiện kịp thời các vi phạm trong tổ tụng trọng tài để yêu cầu Hội đồng trọng tài xử lý.

Theo đó, quy định về mất quyền phản đối được hướng dẫn tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại. Cụ thể, cách giải thích tại Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP là phù hợp với UNCITRAL, nếu một bên phát hiện có vi phạm pháp luật tổ tụng trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài mà vẫn tiếp tục thực hiện tổ tụng trọng tài và không phản đối với Hội đồng trọng tài, Trung tâm trọng tài trong thời hạn quy định thì mất quyền phản đối tại Trọng tài, hoặc tại Tòa án đối với những vi phạm đó. Vì lẽ đó, khi một trong các bên yêu cầu Tòa án về vi phạm đã đề cập thì Tòa án có nhiệm vụ phải thu thập, kiểm tra các tài liệu, chứng cứ liên quan để xác định đối với yêu cầu đó, một hoặc các bên có mất quyền phản đối hay không. Như vậy, Tòa án có quyền quyết định ngay cả khi một hoặc các bên đã mất quyền phản đối trong trường hợp Tòa án xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu.

## **3. Phán quyết trọng tài**

### **3.1. Tính chung thẩm của phán quyết trọng tài**

Theo tinh thần của Công ước New York, phán quyết trọng tài là những quyết định do trọng tài viên ban hành để giải quyết một phần hoặc toàn bộ vấn đề thuộc tranh chấp được yêu cầu giải quyết, phán quyết mang tính chung thẩm và hiệu lực ràng buộc. Theo đó, Công ước New York ghi nhận giá trị của quyết định từng phần (partial award), phán quyết sơ bộ trong bối cảnh “chung thẩm” là trong mối tương quan với từng vấn đề tranh chấp.

Còn đối với pháp luật Việt Nam, để một quyết định trọng tài là phán quyết trọng tài thì cần thỏa mãn 02 yếu tố: (i) quyết định nhằm giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp được yêu cầu giải quyết và (ii) chấm dứt tổ tụng trọng tài. Ngoài ra, Hội đồng trọng tài có thể sửa chữa và ban hành phán quyết bổ sung khi có yêu cầu của các bên hoặc chủ động sửa theo quy định pháp luật.

Các bên cần phân biệt việc đăng ký phán quyết và công nhận thi hành phán quyết. Đăng ký phán quyết trọng tài áp dụng cho tranh chấp giải quyết bằng trọng tài vụ việc (ad-hoc), trên thực tế khi trọng tài ra phán quyết mà một bên không thi hành phán quyết thì bên còn lại được quyền nộp hồ sơ đăng ký phán quyết lên Tòa án, sau đó yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để cưỡng chế bên phải thực hiện nghĩa vụ thi hành phán quyết. Còn công nhận và thi hành phán quyết áp dụng đối với phán quyết của trọng tài nước ngoài sẽ được trình bày trong phần sau.

## *Xem xét tư pháp*

Để đảm bảo tính chất nhanh chóng, linh hoạt khi giải quyết tranh chấp bằng trọng tài cũng như mong muốn Tòa án can trọng khi xem xét căn cứ và ra quyết định việc hủy phán quyết trọng tài nên trong quá trình xây dựng pháp luật trọng tài, các nhà làm luật đã quyết định không có thủ tục giám đốc thẩm phán quyết của trọng tài tại Tòa án. Pháp luật đảm bảo tính chung thẩm của phán quyết nên các bên khi có khiếu nại liên quan thì yêu cầu Tòa án xem xét trên cơ sở về hủy phán quyết trọng tài.

### **3.2. Phán quyết nước ngoài**

Phán quyết trọng tài nước ngoài chỉ được thi hành tại Việt Nam khi thỏa mãn các điều kiện: (i) có yêu cầu được thi hành tại Việt Nam và (ii) được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành. Thời hiệu nộp đơn yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài là 03 năm kể từ ngày phán quyết có hiệu lực.

Theo Công ước New York, phán quyết trọng tài nước ngoài khi phán quyết trọng tài đó được ban hành trên lãnh thổ của quốc gia khác quốc gia được yêu cầu công nhận và cho thi hành. Mặc dù có mâu thuẫn với khoản 3 Điều 8 Luật Trọng tài thương mại về địa điểm giải quyết tranh chấp được tiến hành trên lãnh thổ Việt Nam thì phán quyết phải được coi là tuyên tại Việt Nam mà không phụ thuộc vào nơi Hội đồng trọng tài tiến hành phiên họp để ra phán quyết đó. Trong trường hợp trọng tài thành lập theo pháp luật Việt Nam ban hành phán quyết ngoài lãnh thổ Việt Nam thì lúc này nếu chiếu theo Luật Trọng tài Việt Nam thì đây là phán quyết trọng tài Việt Nam nhưng nếu chiếu theo Điều 1 Công ước New York thì đây là phán quyết trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, Việt Nam là thành viên của Công ước New York nên khi đó phải áp dụng theo Công ước, tức đây là phán quyết trọng tài nước ngoài. Phán quyết này được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bởi Tòa án Việt Nam và Tòa án cũng có thẩm quyền hủy phán quyết này.

Về nghĩa vụ chứng minh, Công ước New York quy định nghĩa vụ này thuộc về bên phải thi hành và Bộ luật Tố tụng Dân sự cũng ghi nhận tinh thần này. Nhưng trên thực tế, Tòa án vẫn yêu cầu bên được thi hành phải cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ ngoài những chứng cứ được quy định pháp luật để chứng minh phán quyết không thuộc các trường hợp bị từ chối thi hành.

Về thủ tục chung để yêu cầu công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài được trình bày khái quát như sau:

#### *Bước 1: Nộp hồ sơ*

Cá nhân, tổ chức yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam phải trực tiếp hoặc thông qua người đại diện của mình nộp đơn yêu cầu Bộ Tư pháp Việt Nam.

## *Bước 2: Chuyển hồ sơ yêu cầu cho Tòa án Việt Nam có thẩm quyền*

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo, Bộ Tư pháp sẽ chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền.

## *Bước 3: Tiếp nhận và thụ lý hồ sơ*

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tòa án có thẩm quyền kiểm tra hồ sơ để thụ lý và thông báo cho cá nhân, tổ chức phải thi hành cưỡng chế và Viện kiểm sát cùng cấp.

## *Bước 4: Xem xét hồ sơ*

Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thụ lý, trừ trường hợp quá trình xét đơn bị đình chỉ theo quy định của pháp luật, Tòa án sẽ ra quyết định tổ chức phiên tòa để xét đơn yêu cầu và được tiến hành trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

## *Bước 5: Phiên tòa*

Phiên tòa để xem xét đơn yêu cầu sẽ được tiến hành bởi một hội đồng gồm ba thẩm phán dưới sự giám sát của một công tố viên của Viện kiểm sát cùng cấp. Trừ trường hợp đình chỉ, Tòa án sẽ ra quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài của Tòa án (“Quyết định công nhận”).

## *Bước 6: Gửi quyết định công nhận và cho thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài của Tòa án (“Quyết định”)*

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định công nhận và cho thi hành hoặc không công nhận phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, Tòa án phải gửi Quyết định cho đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát cùng cấp.

## *Bước 7: Kháng cáo quyết định của tòa án*

Các bên liên quan có quyền khiếu nại Quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định đó. Viện trưởng Viện kiểm sát cấp tỉnh hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao cũng có quyền kháng nghị Quyết định. Thời hạn kháng nghị là 07 ngày đối với Viện kiểm sát cấp tỉnh và 10 ngày đối với Viện kiểm sát tối cao, kể từ ngày nhận được quyết định.

## *Bước 8: Xem xét kháng cáo, kháng nghị*

Việc công nhận và thi hành phán quyết cuối cùng sẽ do Tòa án tối cao quyết định trong vòng 01 tháng kể từ ngày nhận được đơn kháng cáo hoặc kháng nghị (“Quyết định của Tòa án Tối cao”).

*Bước 9: Yêu cầu thi hành phán quyết*

Quyết định của Tòa án tối cao có hiệu lực kể từ ngày thi hành và có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của pháp luật./.